

tác xã gần nhất» để tính thuế vào phần sản lượng thường niên của ruộng đất «thuộc» có trồng trọt, chứ không tính toán thuế suất theo biểu thuế lũy tiến.

— Đối với các xã viên khai hoang nếu có xin ruộng «thuộc» để sản xuất riêng thì không tính thuế lại mà căn cứ vào số sản lượng của xã viên khai hoang mà phân chia phần thuế giữa người nhận ruộng và chủ ruộng phải chịu. Ví dụ: số sản lượng thường niên của phần diện tích của ông A là xã viên khai hoang xin của ông B để sản xuất bằng 10% tổng sản lượng thường niên của toàn bộ ruộng đất phải chịu thuế của ông B trước khi cho ông A một phần thì số thuế mà ông A phải nộp cho Nhà nước là 10% và ông B phải nộp là 90%.

3. Đối với các hợp tác xã ở miền núi có thu nhập đồng bào miền xuôi lên cùng sản xuất (khai hoang xen kẽ) nếu trong thời gian đầu do sản xuất chưa phát triển nên làm cho thu nhập bình quân của xã viên ở địa phương bị kém hơn trước; ảnh hưởng đến đời sống thì Nhà nước sẽ chiếu cố giảm nhẹ một phần thuế nông nghiệp cho hợp tác xã trong một năm đầu bằng cách miễn hẳn phần thuế của các xã viên ở miền xuôi mới gia nhập hợp tác xã. Nếu hết năm đầu do điều kiện khách quan mà thu nhập của hợp tác xã vẫn còn bị kém sút thì Ủy ban hành chính tỉnh có thể xét và quyết định cho kéo dài thêm thời gian giảm thuế là một năm nữa.

Cách tính số thuế được giảm là: Chia tổng số thuế ghi thu của hợp tác xã cho tổng số nhân khẩu có mặt trong hợp tác xã (gồm cả nhân khẩu của gia đình xã viên cũ và xã viên mới cộng lại) tìm số thuế bình quân một nhân khẩu. Lấy riêng số nhân khẩu của các gia đình xã viên ở miền xuôi mới gia nhập hợp tác xã nhân với số thuế bình quân một nhân khẩu để tìm số thuế do các xã viên mới gia nhập phải chịu và đó là số thuế mà hợp tác xã được Nhà nước giảm trong năm đầu.

Nếu có những hợp tác xã ở miền núi, tuy có nhận thêm đồng bào miền xuôi lên cùng sản xuất nhưng do điều kiện sản xuất tương đối thuận lợi hơn lại thêm lực lượng lao động mới làm cho thu nhập của hợp tác xã nói chung cũng như bình quân đầu người vẫn giữ mức bình thường, hoặc có nơi cao hơn trước thì không đặt vấn đề giảm thuế như trên.

4. Nếu các hợp tác xã khai hoang hoặc từng gia đình khai hoang có phát rẫy thì phải chịu thuế rẫy theo chế độ nương rẫy đang thi hành ở miền núi (nghị định 1119-TTg ngày 6-11-1956 của Thủ tướng Chính phủ) tức là:

— Thuế suất là 80%.

— Năm đầu đánh thuế trên toàn bộ số thu hoạch của đám nương rẫy.

— Năm thứ hai, thu hoạch mười phần, chỉ đánh thuế vào tám phần, miễn thuế hai phần.

— Từ năm thứ ba trở đi, miễn thuế tất cả.

Trong quá trình thực hiện nếu có những trường hợp cụ thể khác với những trường hợp trên đây, đề nghị Ủy ban báo cho Bộ Tài chính biết để xin Thủ tướng Chính phủ phương hướng giải quyết.

Hà-nội, ngày 1 tháng 7 năm 1964

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

NGUYỄN THANH SƠN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

THÔNG TƯ số 781-TC ngày 20-6-1964
về việc tạm thời thay thế các thẩm phán vắng mặt.

CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Kính gửi:

Ông Chánh án Tòa án nhân dân các khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh và khu vực Vĩnh-linh,

Đồng kính gửi:

Ủy ban hành chính, các ông Giám đốc Sở Tài chính và Trưởng ty Tài chính các khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh và khu vực Vĩnh-linh,

Về việc tạm thời thay thế các thẩm phán của các Tòa án nhân dân huyện, thị xã vắng mặt vì được cử đi học tập trung về chính trị, văn hóa, chuyên môn, hoặc bị ốm phải nghỉ việc lâu ngày, Tòa án nhân dân tối cao đã thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ, Bộ Lao động và Bộ Tài chính về cách giải quyết vấn đề này như sau:

1. Ở những Tòa án nhân dân huyện, thị xã có hai thẩm phán, bao giờ cũng phải bảo đảm có ít nhất một thẩm phán có mặt để thường

xuyên giải quyết những công việc của Tòa án, tránh tình trạng tất cả thẩm phán được cử đi học hoặc đi công tác đột xuất làm cho Tòa án không có thẩm phán phụ trách.

2. Việc thay thế thẩm phán vắng mặt chỉ đặt ra trong những trường hợp sau đây:

— Tòa án nhân dân huyện, thị xã chỉ có chánh án (không có thẩm phán) nhưng chánh án lại bị ốm hoặc được cử đi học dài hạn;

— Tòa án nhân dân huyện, thị xã có chánh án và một thẩm phán nhưng một người thì được cử đi học dài hạn, thẩm phán còn lại lại bị ốm phải nằm điều trị lâu.

3. Việc thay thế thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, thị xã vắng mặt phải căn cứ vào nguyên tắc các thẩm phán của Tòa án nhân dân địa phương do Hội đồng nhân dân bầu ra. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh có thể cử một thẩm phán của Tòa án mình hoặc một thẩm phán ở huyện, thị xã khác, hoặc một hội thẩm nhân dân thay thế một thẩm phán huyện, thị xã vắng mặt.

Chỉ khi nào không thể cử được thẩm phán tỉnh thì mới lấy thẩm phán một Tòa án nhân dân huyện, thị xã khác tạm thời thay thế thẩm phán huyện, thị xã vắng mặt; nếu không thể cử được một thẩm phán thay thế thẩm phán vắng mặt thì lúc đó mới cử hội thẩm nhân dân của Tòa án có thẩm phán vắng mặt tạm thời thay thế. Hội thẩm nhân dân được cử tạm thời thay thế thẩm phán vắng mặt phải là người có năng lực và có uy tín.

Các thẩm phán được cử thay thế một thẩm phán vắng mặt có thể đến làm việc hẳn, trong một thời gian ở Tòa án nơi có thẩm phán vắng mặt hoặc cũng có thể chỉ đến làm việc ở đó một số ngày trong tuần lễ.

4. Các thẩm phán và hội thẩm nhân dân được cử thay thế thẩm phán vắng mặt có những nhiệm vụ và quyền hạn của một thẩm phán ở Tòa án nơi mình đến thay thế. Thẩm phán tỉnh được cử đi thay thế một thẩm phán huyện, thị xã vắng mặt thì không được xử phúc thẩm ở tỉnh đối với những bản án mà mình đã xử sơ thẩm ở huyện, thị xã.

5. Để cho các thẩm phán có thể thực hiện được nhiệm vụ đối với địa phương đã bầu ra mình, thời gian cử một thẩm phán đi thay thế cho một thẩm phán vắng mặt ở một Tòa án khác không được quá sáu tháng. Thời gian một hội thẩm nhân dân thay thế một thẩm phán vắng mặt cũng không được quá sáu tháng để khỏi ảnh hưởng nhiều đến công tác sản xuất

của hội thẩm nhân dân. Khi hết thời gian sáu tháng mà thẩm phán vắng mặt vẫn chưa trở về công tác thì có thể cử một thẩm phán hoặc một hội thẩm nhân dân khác thay thế.

6. Việc cử một thẩm phán hoặc hội thẩm nhân dân tạm thời thay thế một thẩm phán huyện, thị xã vắng mặt do chánh án Tòa án tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định. Vì kinh phí dành cho việc cử hội thẩm nhân dân thay thế thẩm phán vắng mặt chỉ có hạn và không thể phân phối trước cho các địa phương, cho nên mỗi khi cần cử hội thẩm nhân dân thay thế thẩm phán huyện, thị xã vắng mặt, chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải báo cáo Tòa án nhân dân tối cao duyệt.

Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần thảo luận đề thống nhất ý kiến với Ủy ban hành chính huyện, thị xã nơi có thẩm phán vắng mặt và Ủy ban hành chính cùng cấp trước khi quyết định cử một thẩm phán tạm thời thay thế thẩm phán vắng mặt hoặc trước khi đề nghị Tòa án nhân dân tối cao duyệt y việc cử hội thẩm nhân dân thay thế cho thẩm phán vắng mặt.

Việc cử một thẩm phán ở nơi khác đến hoặc cử hội thẩm nhân dân tạm thời thay thế cho thẩm phán vắng mặt phải được báo cáo với Hội đồng nhân dân nơi có thẩm phán vắng mặt biết trong một cuộc họp gần nhất.

7. Chế độ đãi ngộ đối với thẩm phán và hội thẩm nhân dân thay thế thẩm phán huyện, thị xã vắng mặt như sau:

a) Thẩm phán tỉnh hoặc thẩm phán huyện được cử thay thế một thẩm phán huyện vắng mặt được hưởng lương cấp bậc như cũ và phụ cấp khu vực nếu có, như trường hợp đi công tác có tính chất tạm thời quy định ở mục III thông tư liên Bộ Lao động—Nội vụ số 16-LB-TT ngày 11-7-1960.

b) Hội thẩm nhân dân được cử tạm thời thay thế một thẩm phán huyện vắng mặt được hưởng thù lao mỗi tháng là 46 đồng và được cấp thuốc men thông thường khi ốm đau; nếu đi công tác thì được hưởng công tác phí theo chế độ hiện hành đối với cán bộ, nhân viên Nhà nước. Khi hết hạn thay thế, không có trợ cấp thôi việc.

Hà-nội, ngày 20 tháng 6 năm 1964

K.T Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Phó chánh án

NGUYỄN TRÁC